

Số: 502 /BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Kính gửi: Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể,
hợp tác xã Trung ương

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của việc tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu thực tiễn phát triển hợp tác xã (HTX) ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX là “hợp tác”, hỗ trợ thành viên, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Đến nay, sau 10 năm triển khai thực hiện, Luật HTX năm 2012 đã tác động đến sự phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) trên nhiều mặt. Qua đó, nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển KTTT, HTX đã được nâng lên. Khu vực KTTT, HTX trong những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài.

Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012 nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế, nội dung chưa thống nhất, đồng bộ của Luật HTX năm 2012 trong hệ thống pháp luật; rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, phát huy kết quả đạt được, nâng cao hiệu quả thi hành Luật HTX; kiến nghị hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, thể chế phát triển KTTT, HTX. Đồng thời, đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung của Luật HTX năm 2012 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ tiến hành tổng kết

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

- Quyết định số 76/QĐ-BCĐĐMPTKTTHTX ngày 02/8/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012.

Phần I

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HTX

1. Công tác xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX

Sau khi Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định một số điều của Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng, ban hành các chương trình, nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch để tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012:

1.1. Văn bản của Tỉnh ủy

(1) Chương trình số 23-CT/TU ngày 19-6-2012 của Tỉnh ủy về việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT giai đoạn 2012 – 2020.

(2) Báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW: Báo cáo sơ kết 01; sơ kết 03 năm 2002-2005; tổng kết 10 năm 2002-2011 và Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển KTTT trong thời gian tới.

(3) Các Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tỉnh Kiên Giang.

1.2. Các văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh

(1) Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập; các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(2) Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(3) Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(4) Kế hoạch số 215-KH/TU ngày 03-7-2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc tiếp thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

1.3. Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh

(1) Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên HTX chuẩn bị thành lập; các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của HTX trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(2) Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tạm thời về tiêu chí đánh giá, phân loại hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(3) Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi các HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

(4) Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Liên minh HTX tỉnh Kiên Giang với các Sở, ban, ngành và địa phương trong công tác quản lý và định hướng phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(5) Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(6) Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Thí điểm phát triển nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại HTX Tân Huy, ấp Ngọc Thuận, xã Đông Hưng A, huyện An Minh.

(7) Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

(8) Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu lúa gạo các huyện vùng Tứ giác Long Xuyên phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kiên Giang.

(9) Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT giai đoạn 2012 – 2015 và định hướng đến năm 2020.

(10) Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển đổi các hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

(11) Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ các nội dung của Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(12) Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(13) Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, phát triển HTX nông nghiệp theo Luật HTX năm 2012 góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(14) Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 06/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Phát triển 15.000 HTX hoạt động có hiệu quả và phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tiêu thụ nông sản đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(15) Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030.

(16) Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 21/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09-3-2020 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 215-KH/TU ngày 03/7/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về việc tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

(17) Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025.

(18) Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 15/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX tỉnh Kiên Giang năm 2021.

(19) Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(20) Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(21) Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 25/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng thí điểm mô hình cánh đồng lớn gắn với cơ giới hoá đồng bộ theo chuỗi giá trị lúa gạo tại HTX Nông nghiệp 422, ấp Mũi Tàu, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

(22) Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

(23) Chỉ thị số 1170/CT-UBND ngày 18/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(24) Chỉ thị số 1557/CT-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh triển khai liên kết sản xuất, phát triển HTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(25) Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 08/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sơ kết thi hành Luật HTX năm 2012.

(26) Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 và xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025.

(27) Báo cáo số 413/BC-UBND ngày 18/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng kết thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Các văn bản của tỉnh cơ bản bám sát theo Luật HTX năm 2012, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và xu hướng phát triển KTTT, HTX từng bước tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho các HTX. Ngày càng nhiều người trẻ tuổi, cán bộ hưu trí, người có trình độ đại học, thạc sĩ tham gia làm cán bộ HTX, đặc biệt có những sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng đứng ra thành lập HTX và tổ chức hoạt động một cách khoa học, hoạt động hiệu quả. Công tác thi đua khen thưởng, vinh danh các mô hình hợp tác xã làm ăn có hiệu quả thường xuyên được thực hiện nhằm khuyến khích, thúc đẩy kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển.

2. Công tác tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về KTTT, HTX

Tỉnh uỷ Kiên Giang đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX, do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ làm Trưởng

ban, sau đó phân công đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng Ban. Đến năm 2020, đã kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tỉnh ủy phân công đồng chí Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban và Liên minh HTX tỉnh là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Đồng thời, chỉ đạo các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo đến cơ sở.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tuy không có phòng chuyên trách về kinh tế tập thể, nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư đã giao cho Phòng Đăng ký kinh doanh kiêm nhiệm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Chi cục Phát triển nông thôn để tham mưu thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể; bố trí cán bộ thực hiện chức năng này. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế các huyện, thành phố bố trí cán bộ theo dõi tình hình các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về hợp tác xã còn thiếu và yếu, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nên gặp nhiều khó khăn trong việc tích lũy kiến thức chuyên ngành cũng như bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã cho đội ngũ cán bộ này.

3. Công tác tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về KTTT, HTX

Thực hiện Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố đã đăng ký mới cho 351 HTX, quỹ tín dụng nhân dân; cấp đổi đăng ký lại do chuyển đổi hoạt động 167 HTX và chia tách sáp nhập 24 HTX. Lệ phí cấp Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký HTX và làm con dấu do ngân sách tỉnh hỗ trợ. Tuy nhiên, việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký HTX, có địa phương thực hiện chậm chưa đúng thời gian, mẫu Giấy chứng nhận đăng ký HTX và nội dung chưa đúng theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; có nơi cán bộ làm công tác cấp giấy, năng lực, kiến thức về HTX còn hạn chế, nên không tư vấn, hướng dẫn cụ thể, do đó có trường hợp cán bộ HTX phải đi lại nhiều lần để sửa đổi, bổ sung thủ tục hoặc có nơi còn can thiệp vào nội dung phương án sản xuất kinh doanh của HTX.

Việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của HTX được Liên minh HTX tỉnh tập huấn, hướng dẫn và tư vấn làm báo cáo, Ủy ban nhân dân



huyện, xã nhắc nhở, nhiều HTX thực hiện tốt công tác báo cáo gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch và cơ quan chuyên ngành trước ngày 15/01 hàng năm theo quy định Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều HTX thực hiện chưa nghiêm túc công tác báo cáo, chậm về thời gian và số liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác. Nguyên nhân chủ yếu là do: lực lượng cán bộ mỏng, năng lực, kiến thức về KTTT, HTX còn hạn chế nên chưa tư vấn hỗ trợ được nhiều cho HTX báo cáo; về phía HTX, nhất là HTX nông nghiệp cán bộ trình độ, năng lực hạn chế.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã: trên cơ sở chính sách hỗ trợ, ưu đãi đã được quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương. Tỉnh Kiên Giang đã ban hành các chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã như: Chương trình số 23-CT/TU ngày 19-6-2012 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013, Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020, Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quyết định, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các chính sách đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã phát triển, nâng cao năng lực nội tại, cũng như hỗ trợ khởi nghiệp cho các hợp tác xã.

Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp trong tỉnh thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình thực hiện Luật HTX. Qua kiểm tra, nắm tình hình kịp thời phát hiện những sai sót và nhắc nhở, yêu cầu các HTX khắc phục những tồn tại; kịp thời ghi nhận những khó khăn, vướng mắc của HTX để có hướng giải quyết hoặc kiến nghị các cấp, các ngành có thẩm quyền giải quyết. Trong mỗi khoá, Hội đồng nhân dân các cấp đều có tổ chức giám sát việc thực hiện Luật HTX và các văn bản quy định về HTX. Định kỳ Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý Nhà nước về hợp tác xã trên đại bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển hợp tác xã; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, tổ chức tham gia và thành lập hợp tác xã; tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội...; Liên minh HTX tỉnh thường xuyên phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan tổ chức khảo sát nắm tình hình việc thực hiện Luật HTX và tổ chức hoạt động của các hợp tác xã.

4. Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước

4.1 Tình hình đăng ký, phân bổ vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách Nhà nước khác của Bộ, ngành, địa phương cho khu vực KTTT, HTX từ năm 2013 đến năm 2021

Thực hiện Chương trình số 23-CT/TU ngày 19/6/2012 của Tỉnh ủy về việc củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT giai đoạn 2012-2020 và Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc củng

cổ, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020. Qua đó, đã hỗ trợ tổ hợp tác (THT), HTX cải tạo và nâng cấp 1.252 trạm bơm (trong đó 240 trạm bơm điện được xây dựng mới); xây dựng 415 trạm biến áp phục vụ tưới tiêu cho 52.945 ha đất sản xuất nông nghiệp ở 72 HTX và 331 THT.

Liên minh HTX tỉnh và Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn phối hợp với Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II hỗ trợ máy móc thiết bị cho 05 HTX tham gia xây dựng mô hình HTX điểm đa dịch vụ, gồm: HTX Xoài cát Hoà Lộc, huyện Hòn Đất; HTX Nông nghiệp Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp; HTX K21, huyện U Minh Thượng; HTX Nông nghiệp Tân Hưng, huyện Châu Thành; HTX Thiện Trung, huyện Gò Quao với kinh phí 2,5 tỷ đồng từ Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II hỗ trợ. Phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam hỗ trợ cho HTX Nông dân Nha Sáp, huyện Giang Thành và HTX Nông nghiệp Tân Hưng, huyện Châu Thành đầu tư thiết bị bơm tưới, lúa giống, máy làm đất và điện năng lượng mặt trời với số tiền 590 triệu đồng từ chương trình hỗ trợ phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định 1632/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 về quy định về mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đã hỗ trợ đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi 112,88 tỷ đồng, bao gồm: hỗ trợ trực tiếp cho 3.812 hộ dân có lợn bị tiêu hủy là 86,586 tỷ đồng và kinh phí phục vụ phòng chống dịch là 26,294 tỷ đồng. Hỗ trợ thiệt hại do hạn mặn và ngập úng cho thành viên hợp tác xã sản xuất lúa, rau màu vụ Hè Thu và Thu Đông năm 2015, vụ Mùa và Đông Xuân 2015-2016 với số tiền là 463,58 tỷ đồng cho 47.531 hộ, diện tích 86.233,70ha.

4.2. Tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung của Điều 6 Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ

4.2.1. Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực

Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực được tỉnh quan tâm thực hiện, cụ thể, hằng năm, tỉnh cấp kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hợp tác xã. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng về nội dung chuyên môn nghiệp vụ, như: bồi dưỡng hội đồng quản trị, giám đốc, kế toán; nghiệp vụ ban kiểm soát hợp tác xã; về Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác xã; kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh; chuyên ngành về quản trị: quản trị sản xuất, quản trị nhân sự, quản trị tài chính, quản trị thị trường để nâng cao năng lực quản lý điều hành trong hợp tác xã.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã mở 02 lớp đào tạo trung cấp kế toán cho 56 học viên của 56 hợp tác xã; mở 227 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 9.743 lượt cán

bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã. Ngành nông nghiệp tỉnh mở 163 lớp bồi dưỡng trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và chăn nuôi cho 7.456 lượt cán bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã.

4.2.2. Chính sách đất đai

Một số hợp tác xã đã được hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất; tham gia chỉ đạo dồn điền đổi thửa, thực hiện mô hình cánh đồng lớn, khắc phục tình trạng manh mún để tập trung cải tạo đồng ruộng. Thực hiện chính sách cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất đối với hợp tác xã phi nông nghiệp, tuy nhiên, việc triển khai chính sách còn ít, thiếu đồng bộ, các hợp tác xã tiếp cận chưa nhiều.

4.2.3. Chính sách tài chính tín dụng

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND, ngày 29/4/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Theo đó, tỉnh chi 30 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để cho hợp tác xã nông nghiệp vay, hình thức cho vay tín chấp, lãi suất ưu đãi, thời gian vay là 05 năm và được hỗ trợ lãi suất trong 03 năm đầu. Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 16/11/2012 của UBND tỉnh về việc bổ sung nhiệm vụ cho Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang được cho vay vốn ngắn hạn, vốn trung hạn và dài hạn theo lãi suất ưu đãi đối với đối tượng là các hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã và đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đã hỗ trợ Hợp tác xã Nông nghiệp Thạnh Hoà, huyện Châu Thành vay tín chấp 500 triệu đồng để mua máy cày phục vụ cho thành viên hợp tác xã.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh triển khai cho 08 lượt hợp tác xã vay 300 triệu đồng từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm; giới thiệu Ngân hàng Thương mại Cổ phần TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh tỉnh cho 164 thành viên của 24 hợp tác xã vay 17,2 tỷ đồng. Hội Nông dân tỉnh cho 1.679 thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã vay từ Quỹ Hỗ trợ nông dân 33,57 tỷ để phát triển kinh tế hộ. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, cho 1.274 hộ vay 733,76 tỷ đồng, để mua 1.274 máy móc, thiết bị các loại.

Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Kiên Giang phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh đã cho 27 thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã vay gần 20 tỷ đồng để mua sắm máy cày, máy gặt đập liên hợp phục vụ trong sản xuất nông nghiệp.

Việc thực hiện tốt chính sách tài chính tín dụng đã giúp các tổ hợp tác, hợp tác xã và thành viên mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tăng doanh thu, lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế, ổn định an sinh xã hội của địa phương. Tuy nhiên, việc triển khai chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi cũng gặp nhiều khó khăn do tài sản thế chấp lớn nhưng số tiền được vay ít, thủ tục còn phức tạp nên số lượng hợp tác xã và thành viên được vay vốn chưa nhiều.

4.2.4. Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ

Xây dựng nhiều chương trình hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến... thông qua hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư của ngành nông nghiệp tỉnh. Chú trọng xây dựng các quy trình sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật như VietGap, GlobalGap, hữu cơ... Quan tâm công tác phối hợp với các viện, trường xây dựng và triển khai nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ mới. Đã hỗ trợ 05 hợp tác xã ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới trong nuôi tôm, quản lý sản xuất lúa, với kinh phí là 1,9 tỷ đồng; đã tổ chức 257 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 14.487 lượt thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã.

Ngành nông nghiệp đã hỗ trợ 04 hợp tác xã tham gia Dự án cạnh tranh nông nghiệp (ACB), gồm: Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Thành, Hợp tác xã Nông nghiệp Kênh 4A, Hợp tác xã Nông nghiệp Kênh 3A - huyện Tân Hiệp; Hợp tác xã Nông nghiệp Thạnh Hoà, huyện Châu Thành từ nguồn vốn do Ngân hàng Châu Á tài trợ gồm: máy gặt đập liên hợp, lò sấy, kho chứa lúa với tổng số tiền 23 tỷ đồng.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã hỗ trợ Hợp tác xã Tân Huy Hoàng Hà Tiên, thành phố Hà Tiên quy trình sản xuất, chứng nhận VietGap và chứng nhận ISO cho sản phẩm tôm thương phẩm, nuôi ứng dụng công nghệ cao. Hỗ trợ quy trình sản xuất, chứng nhận hữu cơ và chứng nhận ISO cho sản phẩm rau, quả của Hợp tác xã Đảo Xanh và sản phẩm hồ tiêu của Hợp tác xã trồng tiêu ấp Xóm Mới, thành phố Phú Quốc và hồ tiêu của Hợp tác xã Hồ tiêu Bãi Ốt, huyện Kiên Lương, với kinh phí 1,7 tỷ đồng.

4.2.5. Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường

Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-

HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND, ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện Kế hoạch 88/2021/KH-UBND là: 72,750 tỷ đồng.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hội Nông dân tỉnh giới thiệu, hỗ trợ 396 hợp tác xã sản xuất lúa, rau, củ, quả và thủy sản, quy mô 57.273 ha, hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với Công ty Thương mại Kiên Giang, Công ty TNHH Trung An Kiên Giang; Tập đoàn Lộc Trời; Tập đoàn Tân Long; Tập đoàn Minh phú; Công ty Cổ phần VINACAM; Công ty Cổ phần Nông Việt Pháp; Công ty TNHH Gạo Vinh Phát; Công ty TNHH MTV Quang Phát; Công ty TNHH MTV Lương thực Vạn Trường Phát; Công ty TNHH Thủy sản Thái Minh Long, Công ty TNHH Nông sản, thực phẩm Thanh Thủy và các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong và ngoài tỉnh, bằng các hình thức doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp, hoặc tiền mặt, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và thu mua sản phẩm theo thỏa thuận với hợp tác xã.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hỗ trợ 34 nhãn hiệu tập thể đặc sản, đặc trưng của các địa phương đăng ký xác lập quyền sở hữu.

Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức cho 25 hợp tác xã tham gia 05 lượt hội chợ thương mại, do các Bộ, ngành Trung ương, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng sàn giao dịch điện tử và trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, nhằm hỗ trợ các hợp tác xã có năng lực cung ứng sản phẩm lên sàn giao dịch và trang thông tin điện tử để quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Kết quả đã giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông, thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ của 23 hợp tác xã lên sàn giao dịch và trang thông tin điện tử.

Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức cho 55 lượt hợp tác xã tham gia 11 lượt hội chợ xúc tiến thương mại do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Dương và Bắc Ninh, được các doanh nghiệp quan tâm và ký hợp đồng tiêu thụ khoai mỡ, khoai lang, khóm, rau ăn lá, gạo hữu cơ, tôm khô, hàng thủ công mỹ nghệ làm từ cỏ bàng, lục bình và mây tre đan. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu thương mại và truy xuất nguồn gốc nông sản cho hợp tác xã sản xuất dịch vụ Kênh 10, huyện U Minh Thượng đối với sản phẩm chuối, khoai mỡ, khoai lang, gừng, rau ăn lá;

Hợp tác xã Nông nghiệp Kênh 5B, xã Tân An, huyện Tân Hiệp đối với chả lụa Kênh 5; Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hiểu Phát, xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận đối với sản phẩm tôm thịt, tôm khô, hàng thủ công mỹ nghệ; Hợp tác xã nông sản hữu cơ Rạch Giá đối với gạo hữu cơ và các sản phẩm chế biến từ gạo hữu cơ; Hợp tác xã Đảo Xanh, phường An Thới, thành phố Phú Quốc đối với sản phẩm du lịch, rau, quả hữu cơ; Hợp tác xã trồng tiêu Bãi Ốt, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương và Hợp tác xã trồng tiêu ấp Xóm Mới, thành phố Phú Quốc với sản phẩm hồ tiêu các loại; Hợp tác xã Tân Huy Hoàng Hà Tiên, thành phố Hà Tiên với sản phẩm tôm thương phẩm các loại; Hợp tác xã Cỏ bàng Phú Mỹ, huyện Giang Thành với sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ cỏ bàng.

Việc triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường, tổ chức cho các hợp tác xã tham gia các hội chợ, sàn giao dịch điện tử; hỗ trợ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu thương mại và truy suất nguồn gốc đi liền với tên địa danh của hợp tác xã đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường, mang lại nhiều lợi ích cho các thành viên, giúp mở rộng các kênh tiêu thụ, quảng bá cho các sản phẩm đặc trưng của từng địa phương, mở rộng thị trường, kịp thời cung cấp thông tin về sản phẩm đến khách hàng; giúp cán bộ hợp tác xã được trao đổi kinh nghiệm, nắm bắt thông tin và nhu cầu của thị trường về sản phẩm hàng hoá, qua đó có những điều chỉnh trong sản xuất, kinh doanh, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hoá nông sản phù hợp với yêu cầu của thị trường, có những giải pháp phát triển bền vững để hỗ trợ cho thành viên nhằm nâng cao nhận thức trong quá trình sản xuất, thay đổi cách làm để từ đó sản phẩm, hàng hóa làm ra có giá trị và ổn định đầu ra.

4.2.6. Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

Ngành Nông nghiệp đã triển khai thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các hợp tác xã tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, theo các tiêu chí tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đến nay, ngân sách Trung ương (lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới) đã hỗ trợ là 12,120 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 6,120 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 06 tỷ đồng); vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh hỗ trợ 6,206 tỷ đồng. Đồng thời, triển khai thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa, đã đầu tư kiên cố hóa (nạo vét) kênh mương được 2.704 km với 609 công trình thủy lợi nội đồng. Ngoài ra, thực hiện hỗ trợ 11 hợp tác xã nông nghiệp tham gia Dự án chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT), số tiền 47,485 tỷ đồng.

4.2.7. Chính sách thuế

Cục Thuế tỉnh hướng dẫn các tổ hợp tác, hợp tác xã về các chính sách thuế: đã thực hiện kịp thời và đầy đủ các chính sách thuế đối với hợp tác xã theo quy định như: miễn thuế giá trị gia tăng đối với hợp tác xã có doanh thu từ sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian mới thành lập theo quy định.

4.2.8. Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành, để khẳng định vai trò của hợp tác xã trong tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí số 13 là xã nông thôn mới phải có hợp tác xã kiểu mới hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012 và có hoạt động liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Đối với nội dung này, tỉnh đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các nội dung liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã, qua đó các hợp tác xã được tạo điều kiện thành lập và tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương như: xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, khuyến nông lâm ngư, khuyến công và xúc tiến thương mại và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và an ninh, chính trị ở địa phương.

4.2.9. Chính sách hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX

Năm 2013, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 về quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập; các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 về việc quy định mức chi hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập; các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để hỗ trợ trong việc thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã.

Năm 2014, triển khai thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển giai đoạn 2015-2020; Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ thành lập mới, chia tách, sáp nhập và tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, số lượng các HTX thành lập mới ngày càng tăng cao so với giai đoạn trước, hoạt động của các HTX mới thành lập theo đúng Luật HTX, đảm bảo theo đúng bản chất là phục vụ thành viên. Đã hỗ trợ thành lập mới 351 HTX, bình quân mỗi HTX 08 triệu đồng, hỗ trợ kinh phí thành lập 1.232 THT, bình quân mỗi THT 500.000 đồng; hỗ trợ 24 HTX chia tách, sáp nhập và hỗ trợ chuyển đổi hoạt động, đăng ký lại cho 167 HTX, bình quân mỗi HTX 04 triệu đồng, qua đó tạo không khí phấn khởi trong THT, HTX và thành viên.

4.3. Tình hình triển khai Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 và Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Triển khai thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí Điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020”, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai hỗ trợ xây dựng 01 cửa hàng vật tư nông nghiệp, đường giao thông và trụ sở cho 14 hợp tác xã tham gia thực hiện Đề án, kinh phí 07 tỷ đồng, trong đó vốn đối ứng của hợp tác xã 1,4 tỷ đồng, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 5,6 tỷ đồng. Qua 05 năm thực hiện, có 14/14 hợp tác xã thực hiện được chuỗi giá trị sản phẩm, làm tốt khâu dịch vụ đầu vào như: thủy lợi, cung ứng lúa giống, làm đất và đầu ra hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp.

Triển khai Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025”. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 15/7/2021 về việc thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh ban hành Kế hoạch số 148/KH-MTTQ-BTT, ngày 13/7/2021 phối hợp triển khai tuyên truyền Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025. Đến nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, các ngành chức năng và địa phương lựa chọn được 05 HTX (03 HTX nông nghiệp, 01 HTX tiểu thủ công nghiệp và 01 HTX giao thông vận tải) hiện đang hoàn thành thủ tục đề nghị hỗ trợ.

4.4. Tình hình hỗ trợ các THT trong giai đoạn 2013-2021

Tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 331 trạm bơm điện, lắp đặt 331 trạm biến áp phục vụ tưới tiêu cho 22.945 ha đất sản xuất nông nghiệp của 331 THT. Ngoài ra, vẫn chưa có chính sách khác để hỗ trợ THT.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX TỪ KHI LUẬT HTX NĂM 2012 CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Tình hình phát triển hợp tác xã

1.1. Số lượng và thành viên của HTX trong giai đoạn 2013-2021:

1.1.1. Đánh giá chung

Năm 2013, tỉnh có 233 HTX. Giai đoạn 2013-2021 thành lập mới 351; giải thể và sáp nhập 79 HTX để có quy mô sản xuất lớn, hiệu quả hơn. Đến 31/12/2020 tỉnh có 495 HTX, dự kiến đến 31/12/2021 là 505 HTX (trong đó có 167 HTX đã chuyển đổi hoạt động); tăng 272 HTX so với năm 2013; với 63.243 ha canh tác (chiếm 13,6% diện tích đất nông nghiệp của tỉnh); tổng vốn điều lệ 375,658 tỷ đồng; có 53.987 thành viên (chiếm 13,7% số hộ của tỉnh); tạo việc

làm cho 9.228 lao động. Trong đó, có 444 HTX nông nghiệp (356 trồng trọt, 88 thủy sản); 07 HTX thương mại dịch vụ; 20 HTX giao thông vận tải; 03 HTX xây dựng; 09 HTX tiểu thủ công nghiệp và 22 quỹ tín dụng nhân dân.

Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong lĩnh vực phi nông nghiệp có nhiều chuyển biến về đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh như: lĩnh vực xây dựng, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân; đảm bảo việc làm thu nhập cho thành viên và người lao động. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý, lao động tại một số hợp tác xã còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và năng lực công nghệ thông tin, kinh doanh quốc tế, nhận thức pháp luật về thuế, quản lý tài chính, kế toán, quản lý nhân sự.

Các HTX nông nghiệp đã giải quyết tốt các quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trong quá trình sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của thành viên, người lao động nông thôn và quản lý nguồn lợi thiên nhiên; hỗ trợ thành viên HTX từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ. Ngoài ra, HTX còn giúp thành viên tiết kiệm được thời gian để tự tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống.

1.1.2. Đánh giá theo lĩnh vực

(1) Lĩnh vực nông – thủy sản

Có 444 HTX, chiếm 87,92% tổng số HTX, số vốn điều lệ 169,334 tỷ đồng; có 34.701 thành viên; với 63.243 ha canh tác và tạo việc làm cho 3.473 lao động theo thời vụ.

Hoạt động của các HTX nông nghiệp tuy doanh thu và lợi nhuận của HTX không cao, nhưng đã giúp thành viên áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật giảm lượng giống, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động làm tăng năng suất và thực hiện tốt các khâu dịch vụ hỗ trợ như: bơm tát, làm đất, thu hoạch, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi và tiêu thụ sản phẩm giúp giảm chi phí, tăng thu nhập cho thành viên từ 700.000 đồng đến 3.200.000 đồng/ha/vụ, điển hình như hợp tác xã ở các huyện: Châu Thành, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Gò Quao, An Biên và một số hợp tác xã thuộc vùng Tứ giác Long Xuyên; một số hợp tác xã thủy sản ở huyện Kiên Hải đang hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị bằng mô hình nuôi cá lồng kết hợp với du lịch sinh thái cung ứng dịch vụ giải trí và ăn uống cho du khách tại nhà lồng nuôi cá, đã tạo được việc làm tại chỗ cho thành viên.

Tuy nhiên, các HTX còn nhiều khó khăn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, cán bộ quản lý có tâm huyết, nhưng đa số là lớn tuổi, chưa qua đào tạo, chỉ được bồi dưỡng qua các lớp ngắn ngày nên hạn chế về trình độ, năng lực và kinh nghiệm quản trị. Bên cạnh đó, HTX còn khó khăn về cơ sở vật chất, vốn để phát triển, quy mô nhỏ lẻ, manh mún; HTX chưa làm tốt công tác tuyên truyền để thành viên thấy được lợi ích khi tham gia nhiều dịch vụ của HTX, nhất là liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp.

(2) Lĩnh vực giao thông vận tải

Hiện tỉnh có 20 HTX, với 2.524 thành viên, có 2.543 phương tiện, tạo việc làm cho 3.709 lao động, vốn điều lệ 5,710 tỷ đồng. Các HTX thực hiện tốt các quy định về vận tải hàng hóa đường thủy, bộ của các phương tiện tại các bến xe, bến tàu khách, bến phà. Một số HTX đã nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng phương tiện vận tải hành khách và đổi mới phương thức phục vụ, đầu tư mua sắm phương tiện mới, chất lượng để đáp ứng nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa ngày càng cao trong tỉnh; HTX đã mở thêm luồng tuyến, tìm kiếm, ký kết các hợp đồng vận chuyển khách tham quan, du lịch, điển hình hoạt động tốt như: HTX Vận tải thủy bộ Rạch Giá, thành phố Rạch Giá; HTX Vận tải thủy bộ Kiên Tân, huyện Kiên Lương; HTX vận tải Đảo Ngọc Phú Quốc, thành phố Phú Quốc.

Tuy nhiên, trong nội bộ một số thành viên có sự cạnh tranh chưa lành mạnh, chưa thực hiện đúng tinh thần hợp tác; các HTX chỉ hỗ trợ được thủ tục hành chính, chưa thực hiện được nhiều dịch vụ liên kết hỗ trợ cho thành viên; việc cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác mạnh hơn về vốn và phương tiện còn hạn chế, nhất là đối với các phương tiện không đăng ký đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

(3) Lĩnh vực xây dựng

Có 03 HTX xây dựng, với 37 thành viên. Giải quyết việc làm cho 1.251 lao động thường xuyên và thời vụ. Tổng nguồn vốn điều lệ là 27,5 tỷ đồng. Các HTX chấp hành tốt các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động; hoạt động ổn định, ký kết được các hợp đồng xây dựng có giá trị với các Ban Quản lý đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách, đường giao thông nông thôn thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương, nhà dân hoặc nhận thi công lại của các nhà thầu khác. Các HTX đều kinh doanh có lãi, tăng thu nhập cho thành viên và HTX cũng đã giải quyết việc làm, ổn định thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn. Bên cạnh đó, HTX xây dựng cũng gặp nhiều khó khăn do giá vật liệu xây dựng không ổn định và vốn ít, kinh nghiệm hạn chế nên khâu đấu thầu còn gặp nhiều khó khăn.

(4) Lĩnh vực thương mại dịch vụ

Có 07 HTX thương mại với 73 thành viên và tạo việc làm cho 355 lao động, với tổng vốn điều lệ 119,1 tỷ đồng. Các HTX đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, sản phẩm hàng hóa đa dạng; tăng cường liên kết với các HTX và doanh nghiệp để cung ứng hàng hóa, tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động. Tuy nhiên, quy mô còn nhỏ, kinh doanh rủi ro, thua lỗ, nợ khó đòi, khả năng mở rộng kinh doanh chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh.

(5) Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Có 09 HTX hoạt động, với tổng vốn điều lệ 5,758 tỷ đồng, có 165 thành viên và 175 lao động theo thường xuyên. Các HTX đã góp phần tạo việc làm

cho lao động nhàn rỗi ở nông thôn, duy trì được nghề truyền thống và mở rộng đa dạng sản phẩm để phù hợp với thị hiếu của thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung HTX quy mô hoạt động còn nhỏ lẻ, thiếu vốn đầu tư trang thiết bị sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa cao, thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

(6) Lĩnh vực quỹ tín dụng nhân dân

Toàn tỉnh hiện có 22 quỹ tín dụng nhân dân hoạt động tại 65 xã, phường, thị trấn thuộc 10 huyện, thành phố trong tỉnh; với 16.487 thành viên; có 265 lao động; vốn điều lệ là 48,256 tỷ đồng. Các quỹ chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; tiếp tục hướng tới nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị; tổng nguồn vốn hoạt động của các quỹ đạt 1.170,503 tỷ đồng.

Các quỹ đều hoạt động có lãi, duy trì khả năng thanh toán, 21/22 quỹ có thu nhập lớn hơn chi phí là 18,658 tỷ đồng. Thông qua việc huy động vốn cho vay tại chỗ đối với các thành viên trên tinh thần tương trợ lẫn nhau, giúp thành viên giải quyết nhu cầu về vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng của thành viên trên địa bàn, hạn chế tình trạng vay nặng lãi, ổn định tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương, điển hình hoạt động tốt như: Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Thanh Vân, Quỹ tín dụng nhân dân Vĩnh Hiệp, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tân Hiệp, Quỹ tín dụng nhân dân Bình An,... Bên cạnh đó, do sự cạnh tranh gay gắt của các tổ chức tín dụng khác và ý thức tự giác về nghĩa vụ vay, trả nợ của một số thành viên chưa cao, đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.2. Tổ chức, quản lý hợp tác xã

Sau Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành, đến cuối năm 2021 tỉnh có 505 (100%) HTX hoạt động theo mô hình Hội đồng quản trị HTX với Ban giám đốc HTX. Có 483 HTX áp dụng mô hình Hội đồng quản trị HTX kiêm Ban giám đốc của HTX; việc Hội đồng quản trị HTX kiêm Ban giám đốc giúp cho bộ máy HTX được tinh gọn, giảm chi phí hành chính, xử lý kịp thời các phát sinh và trong hoạt động của HTX; song, việc kiêm nhiệm cũng có hạn chế như: áp lực công việc với người kiêm nhiệm, dễ dẫn đến độc đoán, mất dân chủ hoặc vừa đá bóng vừa thổi còi.

Trong hoạt động, thành viên thực hiện tốt việc tuân thủ điều lệ HTX về vốn góp, cũng như quyền lợi gắn với trách nhiệm của thành viên. Cùng với sự phát triển về số lượng và chất lượng HTX, thì sự phát triển về số lượng và chất lượng cán bộ quản lý HTX trong giai đoạn 2013-2021 cũng dần được nâng lên về trình độ, năng lực, độ tuổi cán bộ HTX ngày càng được trẻ hoá, một số HTX được thành lập do các sinh viên đại học ra trường với phương thức quản lý khoa học, hiệu quả hơn. Nhiều HTX thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của HTX.

Tuy nhiên, việc thực hiện quy định của điều lệ HTX của một số thành viên còn hạn chế, chưa thực hiện tốt công nợ với HTX, chưa tham gia hết các

dịch vụ do HTX tổ chức. Việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính còn hạn chế, nhất là lĩnh vực HTX nông nghiệp, do đa số cán bộ HTX đều lớn tuổi, trình độ, năng lực hạn chế.

1.3. Hiệu quả hoạt động của HTX:

Tổng vốn hoạt động và giá trị tài sản của HTX là 375,658 tỷ đồng, tăng 269,679 tỷ đồng so với năm 2013.

- Lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản: tổng doanh thu bình quân 349 triệu đồng/HTX/năm, tăng 150 triệu đồng; tổng lợi nhuận bình quân 88 triệu đồng/HTX/năm, tăng 48 triệu đồng.

- Lĩnh vực thủy sản: tổng doanh thu bình quân 698 triệu đồng/HTX, tăng 198 triệu đồng; tổng lợi nhuận bình quân 176 triệu đồng/HTX/năm, tăng 100 triệu đồng.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: tổng doanh thu bình quân 1,061 tỷ đồng/HTX /năm, tăng 500 triệu đồng; lợi nhuận 371 triệu đồng/HTX/năm; tăng 159 triệu đồng.

- Lĩnh vực xây dựng: tổng doanh thu bình quân 1,820 tỷ đồng/HTX/năm, tăng 9,15 tỷ đồng; lợi nhuận 273 triệu đồng/HTX/năm, tăng 133 triệu đồng.

- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: tổng doanh thu bình quân 1,369 tỷ đồng/HTX /năm, tăng 535 triệu đồng; lợi nhuận 205 triệu đồng/HTX/năm, tăng 85 triệu đồng.

- Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: tổng doanh thu bình quân 407 triệu đồng/HTX/năm, tăng 200 triệu đồng; lợi nhuận 61 triệu đồng/HTX/năm, tăng 35 triệu đồng.

- Quỹ tín dụng nhân dân: tổng doanh thu bình quân doanh thu 36,027 tỷ đồng/quỹ/năm, tăng hơn 02 lần; lợi nhuận 4,503 tỷ đồng/quỹ/năm, tăng 2,5 tỷ đồng.

Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 là 2,5%; tăng 1,5% so với năm 2013.

Tổng số HTX hoạt động hiệu quả theo Luật HTX năm 2012, theo đánh giá, phân loại dự kiến đến 31/12/2021 của 428 HTX (trừ 22 quỹ tín dụng nhân dân và 55 HTX mới thành lập năm 2020 và 2021): có 249 HTX khá - giỏi, chiếm 58,2% và 179 HTX trung bình, chiếm 41,8%; không có HTX yếu kém.

Các hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã hình thành một số hợp tác xã có cách làm hay, khởi nghiệp sáng tạo, tận dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương, phát huy nghề truyền thống sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ như: đan đệm bàng, đan lục bình, mây tre, sản xuất rượu và các loại bánh truyền thống của địa phương, trong đó sản phẩm của 08 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp được cấp chứng nhận OCOP,... đã tạo thêm việc làm, nâng cao thu

nhập cho thành viên, góp phần khôi phục nghề truyền thống và hình thành các làng nghề mới của tỉnh.

2. Tình hình phát triển của tổ hợp tác từ năm 2013 đến 2021

Năm 2013, toàn tỉnh có 3.392 THT. Từ năm 2013-2021 phát triển mới 937 tổ (698 tổ nông nghiệp và 239 tổ phi nông nghiệp), thu hút thêm 23.388 thành viên vào THT. Tính đến 31/12/2020 tỉnh có 2.278 THT, dự kiến đến 31/12/2021 là 2.328 tổ, trong đó lĩnh vực nông nghiệp là 2.089 tổ và lĩnh vực phi nông nghiệp 239 tổ; với 48.005 thành viên là hộ gia đình (chiếm 12,18% số hộ của tỉnh), bình quân 21 thành viên/tổ; số vốn góp 18,932 tỷ đồng và 73.607 ha canh tác (chiếm 15,6% diện tích đất nông nghiệp của tỉnh), tạo việc làm cho 8.288 lao động theo thời vụ. Giảm 2.001 tổ do sáp nhập thành THT lớn, nâng lên thành HTX, chấm dứt hoạt động theo hợp đồng hợp tác và xóa tên THT yếu kém, không hoạt động. Các THT thực hiện tốt việc đăng ký và tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ nay là Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

Tổ hợp tác có vai trò quan trọng trong việc liên kết, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh cho các thành viên, góp phần giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tổ hợp tác phi nông nghiệp đã tạo việc làm, cải thiện đời sống cho thành viên; các tổ hợp tác nông nghiệp thực hiện tốt dịch vụ bơm tát, ứng dụng khoa học kỹ thuật giảm lượng giống, nước và vật tư nông nghiệp ước làm lợi cho thành viên mỗi vụ được từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng/ha/vụ, qua đó giúp thành viên tăng thu nhập, ổn định đời sống. Bên cạnh đó, tổ hợp tác còn là cầu nối gắn kết tình làng nghĩa xóm, góp phần bảo vệ an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Một số địa phương có nhiều tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, quản lý chặt chẽ từ vốn góp đến khâu hoạt động sản xuất kinh doanh có thể học tập và nhân rộng như các tổ hợp tác tôm - lúa của các huyện An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng; tổ hợp tác khai thác thủy sản và tổ hợp tác chăn nuôi bò của thành phố Hà Tiên; tổ hợp tác thủ công mỹ nghệ và trồng hoa ở thành phố Rạch Giá; các tổ hợp tác bơm tưới của Tân Hiệp, Hòn Đất, Giồng Riềng, Gò Quao,... đây là tiền đề tốt để các tổ hợp tác dần phát triển lên thành hợp tác xã.

Tuy nhiên, đa số tổ hợp tác có quy mô nhỏ, vốn ít, tài sản chung không có hoặc có rất nhỏ, các tổ hợp tác chỉ hoạt động theo thời vụ; phần lớn tổ hợp tác tổ chức còn thiếu chặt chẽ, quan hệ hợp tác lỏng lẻo, địa vị pháp lý chưa rõ ràng, không đảm bảo tính ổn định, bền vững; công tác tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức triển khai, thực hiện Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ nay là Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức; Nhà nước chưa có nhiều chính sách hỗ trợ tổ hợp tác (trừ chính sách đầu tư điện bơm tát đối với tổ hợp tác nông nghiệp).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP

1. Kết quả đạt được

Luật HTX năm 2012 nhằm mục tiêu khuyến khích và phát triển mạnh mẽ mô hình HTX, liên hiệp HTX kiểu mới, đồng thời định hướng phát triển các HTX, liên hiệp HTX hiện hoạt động đúng bản chất HTX, liên hiệp HTX. Mô hình tổ chức HTX, liên hiệp HTX theo Luật HTX năm 2012 có khả năng thu hút số lượng lớn hộ gia đình tham gia làm thành viên HTX, lợi ích của thành viên gắn liền với lợi ích của HTX; liên kết sản xuất giữa thành viên với thành viên trong HTX và liên kết giữa HTX với thành viên với các khâu trong sản xuất, gắn kết “bốn nhà” mà chính thành viên là chủ sở hữu; từ đó tổ chức HTX, liên hiệp HTX phát triển sâu rộng sẽ tác động tích cực toàn diện đến phát triển kinh tế, chính trị và văn hoá, xã hội ở địa phương.

Về các chính sách trong Luật HTX năm 2012 được mở rộng hơn về phạm vi ưu đãi, hỗ trợ gắn với bản chất HTX, mang lại lợi ích cho cộng đồng, chú trọng đối với thành viên là nông dân và người dân tộc thiểu số so với Luật HTX năm 2003. Luật HTX năm 2012 đã làm rõ về bản chất hợp tác xã và được sự đồng thuận trong xã hội, đã dần phân biệt được hợp tác xã với doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu cũ và kiểu mới. Vai trò của hợp tác xã đối với phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương nói riêng và nền kinh tế nói chung đã dần được khẳng định.

Tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết, thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định.

Công tác quản lý Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã được quan tâm thực hiện, bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã bước đầu được kiện toàn. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có đơn vị kiêm nhiệm kinh tế tập thể, hợp tác xã. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; ở các huyện, thành phố chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã giao cho Phòng Tài chính- Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Liên minh Hợp tác xã, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân đã thể hiện được vai trò đối với khu vực khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã từng bước phát triển.

Từ khi Luật HTX năm 2012 được ban hành, hoạt động của HTX phát triển cả về số lượng, chất lượng, từng bước vượt qua tình trạng yếu kém kéo dài, có nhiều tín hiệu phát triển trong thời gian tới. Số lượng các hợp tác xã hoạt động hiệu quả tăng lên rõ rệt, chiếm khoảng 58,2% đối với các hợp tác xã nông nghiệp, khoảng từ 50%- 75% với các hợp tác xã phi nông nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan có liên quan

2.1.1. Trong xây dựng, ban hành và phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012

Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, nhưng đến tháng 11/2013 mới có Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn quy định chi tiết một số điều thi hành Luật HTX năm 2012; cuối tháng 5/2014 mới có Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đăng ký HTX và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HTX. Theo Luật HTX năm 2012, các HTX, nhất là các HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp khi chuyển đổi sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ về vốn, cấp đất, xây dựng trụ sở, thế nhưng vẫn chưa có hướng dẫn, nên các đơn vị không chủ động được trong việc thực hiện. Có thể nói, các văn bản hướng dẫn dưới Luật được ban hành chậm phần nào gây khó khăn cho HTX, nhất là về thủ tục đăng ký lại và đăng ký thành lập, làm cho các HTX lúng túng, khó khăn trong chuyển đổi nội dung hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

2.1.2. Trong tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực KTTT, HTX

Bộ máy quản lý Nhà nước về KTTT, HTX chưa được quan tâm, kiện toàn theo yêu cầu, thiếu cán bộ chuyên trách về KTTT, HTX, hầu hết là kiêm nhiệm, chưa nắm chắc chuyên môn, thiếu thực tế, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý Nhà nước về KTTT, HTX còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với nhau và với Liên minh HTX tỉnh còn hạn chế trong việc phát triển KTTT, HTX, kể cả việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ HTX.

2.1.3. Trong tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về KTTT, HTX

Về nội dung và hồ sơ đăng ký thành lập HTX quy định tại Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhiều và phức tạp hơn so với thành lập doanh nghiệp; biểu mẫu nhiều, nội dung trong biểu mẫu chưa sát với hoạt động của HTX, kể cả từ ngữ trong các biểu mẫu chưa sát với thực tế, chưa phù hợp với trình độ, năng lực của cán bộ HTX, nhất là HTX nông nghiệp; thời gian cấp phép dài hơn so với doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm HTX theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư còn hạn chế.

2.1.4. Trong thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước

Các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX được ban hành nhiều, nhưng thiếu đồng bộ, triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn vướng mắc do thiếu nguồn lực



thực hiện, hoặc do nguồn lực phân tán ở nhiều kênh, hoặc không thể thực hiện được do vướng mắc về các thủ tục, quy định. Mặt khác, các chính sách đã có nhưng tính khả thi không cao, việc ban hành chính sách hỗ trợ chưa kịp thời, hoặc chưa hỗ trợ thiết thực cho KTTT, HTX.

2.2. Đối với HTX, thành viên HTX

2.2.1. Về vi phạm các nguyên tắc cơ bản của HTX (Điều 7, Luật HTX năm 2012):

Các HTX và thành viên chấp hành đúng nội dung quy định của Điều 7, Luật HTX năm 2012. Tuy nhiên, HTX quan tâm giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, cán bộ quản lý, người lao động trong HTX và thông tin về bản chất, lợi ích của HTX đối với HTX trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn hạn chế.

2.2.2. Về thực hiện quyền, nghĩa vụ cho các thành viên HTX:

HTX thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ cho các thành viên; đáp ứng 100% nhu cầu sản phẩm dịch vụ của thành viên; thành viên không bị hạn chế quyền tham gia, biểu quyết các hoạt động của HTX; đảm bảo được tiền lương, phúc lợi cho người lao động, tuân thủ hợp đồng sản phẩm dịch vụ giữa thành viên và HTX. Riêng đối với bảo hiểm cho người lao động các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp chưa thực hiện được, do không đủ nguồn lực.

2.2.3. Về khó khăn trong huy động vốn sản xuất kinh doanh của HTX từ thành viên và bên ngoài thành viên, thực hiện tín dụng nội bộ:

Việc huy động vốn sản xuất kinh doanh của HTX từ thành viên và bên ngoài thành viên, thực hiện tín dụng nội bộ, đối với lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều khó khăn do hoàn cảnh của thành viên, lòng tin và hiệu quả hoạt động còn hạn chế nên chưa thuyết phục được thành viên.

2.2.4. Về khó khăn trong hợp tác liên kết chuỗi giá trị, hợp tác sản xuất kinh doanh với doanh nghiệp và các tổ chức bên ngoài, tìm kiếm mở rộng thị trường:

Tỷ lệ thành viên HTX tham gia chuỗi liên kết mới chỉ ở mức từ 35% đến 70%. Nguyên nhân do thành viên HTX chưa hiểu hết mục đích, yêu cầu khi thực hiện chuỗi liên kết; chưa quen với việc sản xuất theo hợp đồng, tuân thủ quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất hàng hóa, chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt mà chưa thấy được lợi ích lâu dài về sản xuất, tiêu thụ ổn định. Mặt khác, do tập quán làm ăn riêng lẻ, mang tính tự phát nên việc sản xuất manh mún, sản lượng cung ứng trên thị trường thiếu đồng nhất, chất lượng không cao. Cán bộ quản lý một số HTX, nhất là HTX nông nghiệp đa số lớn tuổi, trình độ, năng lực hạn chế nên chưa đủ khả năng để thực hiện được các khâu trong chuỗi liên kết.

2.2.5. Về chấp hành các quy định báo cáo, kiểm tra, thủ tục và nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí,... với các cơ quan nhà nước:

Các HTX chấp hành đúng các quy định báo cáo, kiểm tra, thủ tục và nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí,... với các cơ quan nhà nước. Riêng đối với HTX trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế trong việc thực hiện báo cáo.

2.2.6. Về khó khăn trong tiếp cận, thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước:

Các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX được ban hành nhiều, nhưng thiếu đồng bộ, triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn vướng mắc do thiếu nguồn lực thực hiện, hoặc do nguồn lực phân tán ở nhiều kênh, hoặc không thể thực hiện được do vướng mắc về các thủ tục, quy định. Mặt khác, các chính sách đã có nhưng tính khả thi không cao, việc ban hành chính sách hỗ trợ chưa kịp thời, hoặc chưa hỗ trợ thiết thực cho KTTT, HTX.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, cần chú trọng công tác tuyên truyền để có nhận thức đúng, thống nhất về vai trò, vị trí, bản chất, nguyên tắc, giá trị của HTX kiểu mới. Nơi nào có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu để triển khai thi hành Luật HTX năm 2012 thì HTX hoạt động có hiệu quả.

Hai là, việc thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Liên minh HTX tỉnh với các Sở, ban, ngành và địa phương trong công tác quản lý và định hướng phát triển HTX trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, có vai trò quan trọng trong thực hiện Luật HTX và phát triển HTX.

Ba là, xây dựng và củng cố các tổ chức, cơ quan làm công tác quản lý Nhà nước để làm tham mưu cho cấp ủy, UBND các cấp trong củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX. Các cấp, các ngành có liên quan cần làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ cho HTX thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức và hoạt động theo đúng Luật HTX.

Bốn là, quan tâm xây dựng tổ chức bộ máy vững mạnh, đào tạo đội ngũ cán bộ HTX có năng lực về quản trị (thực tế cho thấy HTX nào cán bộ có năng lực quản trị thì HTX đó hoạt động hiệu quả), tâm huyết, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; thực hiện tốt công tác công khai minh bạch trong quản lý, điều hành; HTX phải tăng cường liên kết giữa HTX với nhau và giữa HTX với các thành phần kinh tế và liên kết rộng rãi giữa thành viên với thành viên để tạo sự đồng thuận cao trong HTX và chú trọng tổ chức đại hội thành viên thường niên đúng quy định.

Năm là, hoạt động của Liên minh HTX tỉnh phải sâu sát với HTX, công tác tư vấn phải đa dạng nắm bắt được các yêu cầu thực tế của các HTX cần hỗ trợ để kịp thời đề xuất giải quyết những bức xúc của HTX, phải thật sự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của HTX, của thành viên và người lao động, tạo được môi trường tâm lý thuận lợi cho sự phát triển của HTX một cách bền vững. Cán bộ tư vấn phải có năng lực, có chuyên môn sâu về HTX và có kiến thức về pháp luật, kinh tế và xã hội để đáp ứng nhu cầu tư vấn, hỗ trợ cho HTX.

Sáu là, Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ thiết thực, đồng bộ, kịp thời, nhất là chính sách hỗ trợ HTX thuê cán bộ trẻ có trình độ từ đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX; chính sách hỗ trợ tín dụng; đầu tư hạ tầng cơ sở và tạo môi trường pháp lý thuận lợi đó là những yếu tố có tính chất quyết định cho sự phát triển của HTX.

4. Giải pháp

2.1. Tăng cường tuyên truyền vai trò, vị trí của KTTT, HTX, các điển hình tiên tiến, mô hình HTX kiểu mới đến đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân và người lao động, làm chuyển biến nhận thức, trách nhiệm đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo tham gia xây dựng phát triển KTTT mà nòng cốt là HTX. Hoạt động của HTX phải gắn với chủ trương, Nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính quyền ở từng địa phương và phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2.2. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng lao động cho thành viên HTX. Có chính sách khuyến khích cán bộ trẻ có trình độ, năng lực tham gia vào các chức danh quản lý, điều hành HTX; khuyến khích hộ thành viên cử con em đào tạo trung cấp, đại học về phục vụ cho HTX. Thường xuyên quan tâm, theo dõi đội ngũ cán bộ trẻ trong HTX từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ quản lý, điều hành HTX, góp phần cho HTX phát triển lâu dài, bền vững.

2.3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với KTTT, HTX. củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ các cơ quan có liên quan từ tỉnh đến cơ sở để theo dõi, giám sát, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX. Hằng năm, các cấp, các ngành xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển KTTT gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung chỉ đạo tổ chức lại sản xuất theo hướng quy mô lớn gắn với tái cơ cấu nông nghiệp. Tăng cường tập huấn bồi dưỡng kiến thức về KTTT cho cán bộ HTX và cán bộ quản lý Nhà nước làm công tác theo dõi KTTT để nâng cao năng lực, phục vụ tốt hơn cho sự phát triển KTTT, HTX của tỉnh.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể phát huy hơn nữa vai trò của mình, tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tự nguyện tham gia các THT, HTX, liên hiệp HTX. Nâng cao hiệu quả các chương trình phối hợp liên tịch giữa Liên minh HTX với Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và các Sở, ban, ngành trong phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

2.4. Xây dựng HTX theo đúng Luật HTX, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu uy tín và chất lượng sản phẩm của HTX để cạnh tranh trên thị trường. Trang bị đầy đủ kiến thức quản lý, điều hành HTX cho bộ máy lãnh đạo HTX, nhất là kiến thức về quản trị kinh doanh, kế toán, thị trường, phương án sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác kiểm tra tình hình hoạt động của các HTX trên địa bàn, kịp thời phát hiện những vướng mắc, yếu kém nhằm có giải pháp hỗ trợ hướng dẫn HTX hoạt động đúng Luật và hiệu quả.

2.5. Tăng cường tư vấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; trọng tâm là thu hút đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Tổ chức nhiều mạng lưới tổ hợp tác sản xuất giống các loại ứng dụng công nghệ cao, có hàm lượng khoa học cao theo yêu cầu sản xuất của các tổ chức kinh tế hợp tác. Phối hợp với viện, trường và các chương trình dự án hỗ trợ THT, HTX thực hiện sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt, hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (GAP) và chỉ dẫn địa lý cho các THT, HTX tiến đến xây dựng đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

2.6. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm đối với HTX. Tiếp tục hỗ trợ để nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, trong đó tập trung vào việc cung cấp thông tin về thị trường và khách hàng, tích cực tham gia diễn đàn trao đổi kinh nghiệm của các HTX trong và ngoài tỉnh, các hoạt động triển lãm, hội chợ; xây dựng và quảng bá thương hiệu; hỗ trợ một số HTX có điều kiện xúc tiến thương mại ra thị trường trên thế giới.

2.7. Huy động mọi nguồn lực phát triển HTX; khuyến khích, tạo điều kiện để các HTX và các thành phần kinh tế khác đầu tư vào HTX nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh. Lồng ghép, kết hợp các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm thu hút các nguồn lực phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết. Hình thành chuỗi giá trị trong liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu gắn với xây dựng cánh đồng lớn. Quan tâm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh.

2.8. Tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hộ nông dân khi tham gia HTX, THT và các hình thức tổ chức liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh theo chuỗi các sản phẩm nông nghiệp. Tranh thủ sự tài trợ, hỗ trợ về tài chính và cơ sở vật chất của các tổ chức, cá nhân, khuyến khích các doanh nghiệp tập trung đầu tư và nông nghiệp, nông thôn.

2.9. Khuyến khích hợp tác quốc tế trong phát triển HTX, nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào HTX mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực HTX. Thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức KTTT. Từng bước mở rộng hoạt động và phát huy vai trò HTX trong phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế, trước hết là Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và các nước Đông Nam Á.

Phần II

KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC XÃ

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HTX NĂM 2012

VIỆN G.

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã

Luật HTX năm 2012 có nhiều ưu điểm so với Luật HTX năm 2003. Tuy nhiên, trước tác động của cuộc cách mạng 4.0 và quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ của đất nước, Luật HTX năm 2012 xuất hiện nhiều điểm không còn phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, để thực hiện Luật HTX phải có sự kết nối với các luật khác, các quy định khác và kết nối với các đơn vị, doanh nghiệp khác. Vì hiện Luật HTX hoạt động độc lập mà thiếu đi sự kết nối dẫn đến kém hoặc không hiệu quả; việc quản lý Nhà nước về HTX còn chưa thống nhất, chồng chéo, trở thành rào cản cho sự phát triển của HTX.

2. Quan điểm, định hướng và chính sách sửa đổi, bổ sung Luật HTX

Việc sửa đổi, bổ sung Luật HTX năm 2012 cần định hướng vào nghiên cứu đơn giản thêm nữa các thủ tục hành chính đối với HTX như thành lập, đăng ký và giải thể, báo cáo; đồng thời, xác định HTX là một loại hình doanh nghiệp cho đúng nghĩa, từ đó mới có hướng sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn để tạo điều kiện cho HTX phát triển.

3. Đánh giá tác động của chính sách, quy định đề xuất

Đối với hệ thống quản lý Nhà nước về HTX sẽ xác định rõ hơn và tổ chức thống nhất một đầu mối để bảo đảm thực hiện quản lý Nhà nước về HTX có hiệu quả; HTX sẽ được tạo điều kiện nhiều hơn để thúc đẩy phát triển lành mạnh, bền vững, đúng với bản chất và mục đích thành lập, từ đó đóng góp tốt hơn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ trên cơ sở kế thừa Luật HTX năm 2012 sẽ đồng bộ hơn, thiết thực hơn đối với HTX; công tác thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật hoàn thiện hơn, có tác động tích cực đến quản lý và phát triển kinh tế HTX.

Các chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung trong Luật HTX (sửa đổi) sẽ tác động tích cực đến sự phát triển của HTX, nhất là Luật HTX năm 2012 đã cơ bản xoá bỏ mặc cảm về mô hình HTX kiểu cũ. Từ đó, thành viên an tâm hơn khi được các chính sách của Nhà nước hỗ trợ phù hợp và thiết thực hơn, thành viên sẽ mạnh dạn góp vốn, đầu tư cùng với HTX mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HTX NĂM 2012

1. Về tên Luật: Đề nghị đổi tên thành Luật Kinh tế hợp tác sẽ phù hợp với nội hàm kinh tế hợp tác, đáp ứng các yêu cầu về lý luận và thực tiễn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác ở nước ta và phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế.

2. Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh (Điều 1, Điều 2): đề nghị bổ sung, mở rộng thêm loại hình kinh tế hợp tác như liên đoàn HTX,... vào quy định trong Luật.



Đối với THT nên tiếp tục hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của THT và Luật Dân sự. Nếu quy định THT trong Luật HTX khi thực hiện phạm vi các đối tượng sẽ khó thực hiện.

3. Về các khái niệm (Điều 3, Điều 4): cần làm rõ khái niệm về kinh tế hợp tác và kinh tế tập thể, HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX, liên minh HTX, sản phẩm dịch vụ của HTX để hiểu đúng nghĩa hơn.

Đối với THT đề nghị hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của THT và Luật Dân sự.

4. Về phân loại HTX:

Đối với HTX hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, đa địa bàn, kể cả HTX tạo việc làm, cũng là loại hình của các dịch vụ mà HTX tổ chức để hỗ trợ đầu vào, đầu ra và tạo việc làm cho thành viên HTX. Từ đó, công tác phân loại HTX nên định hướng phân loại theo mức độ thực hiện quy định của Luật HTX và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật quy định trực tiếp đến đối tượng HTX; mức độ về số lượng dịch vụ và hiệu quả của dịch vụ mang lại cho thành viên; số lượng kết nạp thành viên mới; mức tăng, giảm của vốn sản xuất kinh doanh; mức trích phần tài sản không chia trong quỹ đầu tư phát triển của HTX, để làm cơ sở phân loại HTX, như vậy phân loại HTX mới đúng với bản chất, giá trị và nguyên tắc hoạt động của HTX kiểu mới.

Đối với các quy định về phân loại theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX còn nặng về doanh thu và lợi nhuận của HTX. Như vậy chưa đúng bản chất và nguyên tắc hoạt động của HTX kiểu mới là HTX làm lợi cho thành viên, là lấy thu bù chi.

5. Về chính sách hỗ trợ (Điều 6): nghiên cứu quy định riêng 01 Chương về chính sách, hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực KTTT, HTX để nâng cao hiệu quả, chất lượng, phù hợp với đặc thù của các từng đối tượng, loại hình, lĩnh vực hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác:

Các chính sách hiện có đề nghị cần tiếp tục duy trì. Nhưng đề nghị nên đồng bộ gom chung một văn bản và vốn nên cân đối riêng cho HTX, vì hiện nay nguồn vốn phân tán ở nhiều kênh khác nhau, dẫn đến khó thực hiện. Đồng thời, đề nghị việc cấp vốn phải được triển khai kịp thời để hỗ trợ cho HTX.

Đề nghị tăng cường chính sách hỗ trợ cho HTX trong lĩnh vực phi nông nghiệp, đây là lĩnh vực tạo nhiều việc làm, có ảnh hưởng tích cực đến phát triển nông thôn, đô thị, có tiềm năng hình thành các doanh nghiệp.

6. Về quyền và nghĩa vụ (Điều 8, Điều 9): đề nghị bổ sung thêm nội dung bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác với các tổ chức kinh tế khác.

7. Về thành viên (Điều 13, Điều 14, Điều 15): Đề nghị sửa đổi, bổ sung thêm thành viên liên kết. Vì thực tế có nhiều cá nhân, hộ gia đình do xâm canh, hoặc thuê đất sản xuất ngắn hạn, hoặc tạm trú, nên có nhu cầu tham gia HTX làm thành viên liên kết để được sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX.

Việc kết nạp làm thành viên liên kết sẽ khuyến khích và thu hút được nhiều đối tượng tiềm năng tham gia, tăng cường tính hợp tác, phát huy được tinh thần làm chủ của thành viên và sức mạnh tập thể của tổ chức. Mặt khác, giảm được áp lực quản lý và tổ chức hội, hợp.

8. Về góp vốn, huy động vốn (Điều 17, Điều 44): đối với vốn góp, đề nghị nâng tỷ lệ lên không quá 50% để HTX huy động được số vốn đủ lớn cho hoạt động của HTX. Hình thức vốn góp cổ phần sẽ thuận lợi hơn trong thỏa thuận góp vốn, hình thức này sẽ gắn với quyền và nghĩa vụ của người tham gia góp vốn, từ đó giải quyết vấn đề vốn sản xuất cho HTX nhưng không làm mất đi tính dân chủ của thành viên trong HTX.

9. Về thành lập và đăng ký (từ Điều 19 đến Điều 28): đề nghị đơn giản và giảm bớt nội dung tổ chức hội nghị thành lập, đại hội thành viên. Bầu các chức danh HTX, đề nghị bổ sung thêm hình thức bầu bằng hình thức biểu quyết giơ tay để HTX lựa chọn. Giảm bớt hồ sơ và thời gian đăng ký, đăng ký lại HTX, hiện hồ sơ đăng ký và thời gian đăng ký nhiều hơn đăng ký doanh nghiệp. Giảm bớt nội dung trong các biểu mẫu; từ ngữ trong các biểu mẫu nên sát với trình độ của cán bộ HTX, nhất là HTX nông nghiệp.

10. Về tổ chức, quản lý HTX (từ Điều 29 đến Điều 41): đối với điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) HTX, liên hiệp HTX. Đề nghị bỏ quy định “Là thành viên HTX”. Như vậy sẽ thu hút được người có trình độ năng lực, tâm huyết tham gia với quản lý HTX.

11. Về quản lý tài chính, tài sản (từ Điều 42 đến Điều 51):

Đối với tỷ lệ trích các loại quỹ thành viên vẫn còn mặc cảm do HTX kiểu cũ để lại. Mặt khác, trích nhiều HTX sẽ phải tăng giá dịch vụ và giảm phần chia lợi nhuận, nên việc trích quỹ thời gian qua thực hiện chưa hiệu quả. Đề nghị giảm từ 20%/lợi nhuận đối với quỹ đầu tư phát triển xuống còn 10%; giữ nguyên tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính.

Đối với phân phối thu nhập, đề nghị sửa đổi, bổ sung là “chia lãi”; phương án phân phối đề nghị chia 100% theo vốn góp, như vậy sẽ khuyến khích thành viên có điều kiện góp vốn phát triển HTX, người góp vốn có nhiều lợi ích và thành viên cũng được hưởng lợi được sử dụng nhiều dịch vụ của HTX.

12. Về kiểm toán HTX: cần quy định cụ thể một chương về kiểm toán HTX nhằm tạo sự minh bạch và phản ánh sức khỏe của HTX cho các thành viên HTX và các đối tác của HTX, giúp Hội đồng quản trị và Ban giám đốc quản lý điều hành hiệu quả, tạo điều kiện để HTX huy động vốn từ các tổ chức tín dụng bên ngoài và là cơ sở để Nhà nước hỗ trợ cho HTX.

13. Về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản HTX (từ Điều 52 đến Điều 54): giảm bớt các thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản HTX; xử lý tài sản (bao gồm tài sản không chia), vốn, nợ của HTX khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.

Đối với thủ tục giải thể HTX, nhất là giải thể bắt buộc, đề nghị đơn giản hoá các thủ tục và quy định bắt buộc. Vì, hiện nay quy định bắt buộc phải có đầy đủ các thành viên, trong khi đó các thành viên của HTX có những người không còn ở đó, hoặc bỏ trốn hoặc một số thành viên không muốn giải thể, do đó, đây là một khó khăn lớn mà thời gian qua việc giải thể các HTX bắt buộc chưa được tốt.

14. Về tổ chức đại diện của HTX (Điều 57, Điều 58): đối với vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Liên minh HTX, đề nghị: (1) Giao một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước cho Liên minh HTX như: cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX; thanh tra, kiểm tra; làm đầu mối hỗ trợ HTX (vì HTX là thành viên của Liên minh HTX nên sẽ nắm sát hơn về năng lực hoạt động của HTX). (2) Quy định Liên minh HTX là tổ chức kinh tế chính trị, người làm trong hệ thống Liên minh HTX được công nhận là công chức, để ngang tầm với nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX mà Đảng, Nhà nước giao cho hệ thống Liên minh HTX.

Đối với liên đoàn HTX cần làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi để thực hiện thông suốt.

15. Về quản lý Nhà nước (Điều 59, Điều 60): đối với nội dung quản lý Nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cần ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý Nhà nước.

16. Về đăng ký lại, chuyển đổi HTX: đối với đăng ký, chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác, cần hướng dẫn thực hiện và đơn giản các thủ tục khi HTX có nhu cầu.

III. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN

1. Đề nghị giữ nguyên theo các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật quy định trực tiếp đến đối tượng HTX, HTX nông nghiệp đã ban hành.

2. Đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định sau:

2.1. Đối với tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm giữa thành viên và tổ chức KTHT: đề nghị bỏ quy định này. Vì HTX đã có hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thành viên; sau 10 năm thực hiện Luật HTX

năm 2012 cho thấy hầu như không có, hoặc tỷ lệ cung ứng ngoài thành viên không đáng kể.

2.2. Về hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về KTHT; tăng cường thanh tra, kiểm tra, tránh thất thoát lãng phí tài sản Nhà nước: đề nghị giao cho Liên minh HTX một số nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với HTX, như: cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX; làm đầu mối hỗ trợ cho các HTX; thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của HTX.

2.3. Về các tiêu chí quan trọng cần sử dụng để đánh giá về chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát triển của HTX, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

- Bỏ tiêu chí doanh thu và lợi nhuận. Vì bản chất của HTX kiểu mới là hoạt động lấy thu bù chi; không vì mục đích lợi nhuận, mà là hỗ trợ thành viên giảm chi phí đầu vào, ổn định đầu ra thông qua sử dụng các dịch vụ của HTX.

- Đề nghị sử dụng các tiêu chí quan trọng để đánh giá về chất lượng và hiệu quả hoạt động của HTX:

(1) HTX tổ chức và hoạt động theo Luật HTX và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật quy định trực tiếp đến đối tượng HTX.

(2) Có điều lệ; phương án sản xuất kinh doanh; danh sách thành viên; danh sách Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; sổ đăng ký thành viên; giấy chứng nhận vốn góp; có quy chế hoạt động của HTX, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị HTX; quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; quy chế tài sản, tài chính HTX; đơn xin gia nhập HTX của thành viên; biên bản, nghị quyết của hội nghị thành lập HTX.

(3) Góp đúng, góp đủ vốn điều lệ để thực hiện ít nhất được một khâu dịch vụ đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

(4) Thực hiện tốt việc báo cáo tình hình hoạt động của HTX trước ngày 15 tháng 01 hàng năm với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Liên minh HTX tỉnh và cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực HTX hoạt động.

(5) Tổ chức có hiệu quả được các khâu dịch vụ đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký HTX (tính điểm theo số lượng dịch vụ mà HTX tổ chức, tổ chức càng nhiều dịch vụ thì càng được nhiều điểm).

(6) Trong năm hoạt động có lãi

(7) Vốn hoạt động của HTX trong năm tăng ít nhất 5%

(8) Trích được khấu hao máy móc, phương tiện sử dụng.

(9) Trong năm trích đúng, trích đủ các quỹ bắt buộc theo quy định.

(10) Có hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thành viên

(11) Trong năm tạo được từ 05 việc làm

(12) Trong năm kết nạp được ít nhất là 10 thành viên.



- (13) Hàng năm tổ chức đại hội thành viên thường niên theo quy định.
- (14) Có đầy đủ sổ, sách, chứng từ kế toán
- (15) Hàng năm tổ chức được tự kiểm toán nội bộ
- (16) Nội bộ HTX không mất đoàn kết.
- (17) HTX không vi phạm pháp luật.
- (18) Trong năm nộp đúng, nộp đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động trong HTX.
- (19) Hàng năm có xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh của HTX.
- (20) Trong năm HTX tham gia thực hiện các cuộc vận động ủng hộ ngày vì người nghèo; đóng góp kinh phí xây dựng công trình phúc lợi xã hội ở địa phương nơi HTX đặt trụ sở. Tổ chức tham quan, du lịch, hoạt động văn hóa, giải trí, an dưỡng... cho thành viên HTX.

2.3.3. Về quy định kế toán, kiểm toán trong tổ chức KTHT để nâng cao tính minh bạch tài chính, thu hút đầu tư. Đề nghị hướng dẫn cụ thể, sát với hoạt động của HTX.

IV. KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HTX

1. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1.1. Tham mưu Chính phủ kịp thời ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật HTX (khi có Luật mới). Ban hành kịp thời các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định về hướng dẫn thi hành Luật HTX (khi có Nghị định mới).

1.2. Đối với các chính sách hỗ trợ cho HTX, đề nghị tham mưu Chính phủ cần có kênh hỗ trợ riêng cho HTX.

1.3. Kiến nghị Chính phủ quy định rõ chức năng đào tạo bồi dưỡng về tổ chức hoạt động cho cán bộ HTX đối với Liên minh HTX và các ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải,... đào tạo, bồi dưỡng nội dung gì để tránh việc chồng chéo như hiện nay.

1.4. Đề nghị giảm bớt, đơn giản hoá thủ tục, hồ sơ đăng ký, đăng ký lại và chuyển đổi hình thức của HTX vì hiện nay thủ tục, hồ sơ thực hiện còn nhiều và phức tạp.

1.5. Nội dung, từ ngữ trong các biểu mẫu hướng dẫn thành lập, đăng ký HTX cần ngắn gọn, từ ngữ dễ hiểu, sát với thực tế để phù hợp với trình độ của cán bộ HTX thuộc các lĩnh vực.

2. Đối với Bộ Tài chính

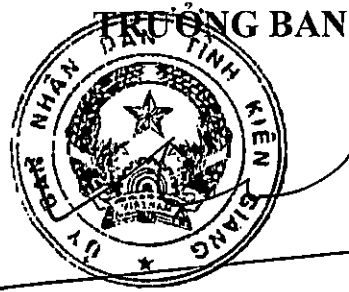
Đề nghị sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ HTX khi Luật HTX mới và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật HTX mới được ban hành.



Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 của tỉnh Kiên Giang. *Thanh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh ;
- Thành viên BCĐ Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, tmchau (01b), “HT”.

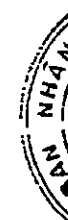


PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Thanh Nhàn



PHỤ LỤC I
THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

STT	Danh mục các văn bản	Năm ban hành	Số lượng văn bản ban hành từ năm 2013-2021				
			Văn bản của Ban Chỉ đạo PT KTTT, HTX cấp tỉnh	Văn bản của Tỉnh/Thành ủy	Văn bản của HĐND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh	Đoàn thể
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1	11	2013	02	03	01	04	01
2	07	2014	02	01		04	
3	05	2015	02			03	
4	06	2016	02	01		03	01
5	07	2017	02			05	
6	06	2018	02	01		04	
7	05	2019	02	01		03	
8	11	2020	02	01	02	06	
9	13	2021	03	01		10	



TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

STT	Loại hình/lĩnh vực	ĐVT	Đang hoạt động				Không hoạt động					
			Tổng số HTX đang hoạt động	Đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Chưa đăng ký lại, chưa chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Đã chuyển sang loại hình tổ chức khác	Tổng số HTX không hoạt động	Tạm ngừng hoạt động (dưới 12 tháng liên tục hoặc có đơn xin tạm ngừng hoạt động)	Ngừng hoạt động, chờ giải thể (liên lạc được với HTX)	Ngừng hoạt động (mất liên lạc với HTX, vẫn tồn tại trên sổ sách)	Đang làm thủ tục giải thể, phá sản không vướng mắc	Đang làm thủ tục giải thể nhưng gặp khó khăn vướng mắc hoặc tranh chấp
			a=b+c+d	b	c	d	d=e+g+h+i+k	e	g	h	i	k
I	Tổng số HTX, trong đó:	HTX	505	167	0	01	55	30	25	0	0	0
1	Lĩnh vực nông nghiệp	HTX	444	128				25	25			
2	Lĩnh vực CN-TTCN	HTX	09	05				03				
3	Lĩnh vực xây dựng	HTX	03	03				02				
4	Lĩnh vực tín dụng	HTX	22	22								
5	Lĩnh vực thương mại	HTX	07	01								
6	Lĩnh vực vận tải	HTX	20	08								
7	Lĩnh vực môi trường	HTX										
8	Lĩnh vực nhà ở	HTX										
9	Lĩnh vực khác	HTX										

11/10/2021 / 15/1

PHỤ LỤC III
TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung chính sách	01/7/2013			Kết quả thực hiện											
					31/12/2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				
			NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	NSTW	NSĐP	
	TỔNG															
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung HTX															
1	Đào tạo nguồn nhân lực												81		300	
2	Bồi dưỡng nguồn nhân lực	264	64	69	364	64	69	342		171	3.521	184	668	1.015	179	326
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	01			01						04		50	26		100
4	Ứng dụng KHKT, công nghệ mới				4.416		441	4.616		462	11.925		1.192			
5	Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	0			0			0			0			0		
6	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển KT-XH															
7	Thành lập mới				15		150	33		330	30		300	44		440
8	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	0			0			0						167		835
9	Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	0			0			0			0			0		
10	Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí	0			0											
11	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương	27		5.400	27		5.400				24		4.800	129		50.000

[illegible]

[illegible]

3	Ưu đãi tín dụng	1.180	300	15.071	117	300	22.575	286	300	18.900	170	300	16.400	185	300	17.400
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh				3.812	112.880										
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm															
6	Hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp.															
7	Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ	108		50	225		150	219		200	396		200	369		200
8	Hỗ trợ khác	0														

PHỤ LỤC IV

CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	1/7/2013	Thực hiện năm								
				31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021
I	Hợp tác xã (HTX)											
1	Tổng số HTX	HTX	223	226	241	261	289	347	400	447	495	505
	<i>Trong đó:</i>											
	Số HTX thành lập mới	HTX	03	15	33	30	44	60	59	49	51	10
	Số HTX giải thể	HTX	13	22	09	09	16	01	06	02	03	
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	50	61	79	126	143	176	204	231	296	309
2	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	57.964	57.410	59.267	63.706	45.383	47.319	50.229	52.410	53.369	54.474
	<i>Trong đó:</i>											
	Số thành viên mới	Thành viên	54	774	2.258	2.511	2.809	3.028	2.084	1.568	716	1.078
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên										
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên	57.964	57.410	59.267	63.706	45.383	47.319	50.229	52.410	53.369	54.474
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên										
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	1.561	1.582	1.687	1.827	2.023	2.429	2.809	3.129	3.465	3.535
	<i>Trong đó:</i>											
	Số lao động thường xuyên mới		21	105	231	210	308	423	413	343	357	79
	Số lao động là thành viên HTX	Người	1.561	1.582	1.687	1.827	2.023	2.429	2.809	3.129	3.465	3.535

4	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng	82.470	105.981	107.134	118.201	130.881	144.518	158.852	238.673	361.436	375.658
5	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng	82.470	105.981	107.134	118.201	130.881	144.518	158.852	238.673	361.436	375.658
6	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	658	1.315	1.446	1.591	1.751	1.907	2.031	2.178	3.267	5.961
	<i>Trong đó:</i>											
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm	658	1.315	1.446	1.591	1.751	1.907	2.031	2.178	3.267	5.961
7	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	188	373	405	441	475	509	551	618	679	811
8	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	15	19	21	25	29	32	39	42	45	50
9	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	1.115	1.130	1.205	1.305	1.445	1.735	2009	2.235	2.475	2.525
	<i>Trong đó:</i>											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	56	85	93	107	116	123	135	149	153	169
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	44	44	66	93	111	123	127	129	129	131
10	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người	110	110	135	150	175	193	193	225	225	235
III	Tổ hợp tác											
1	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT	3.335	3.392	3.469	2.421	2.216	1.994	2.153	2.148	2.109	2.378
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	3.335	3.392	3.469	2.421	2.216	1.994	2.153	2.148	2.109	2.378
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	9,9	19,8	39,6	43,5	55	97	126	162	269	350
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	2,97	5,9	7,92	8,9	12	19	27	35	54	69

PHỤ LỤC V

ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

[illegible]

PHỤ LỤC VI
SỐ LƯỢNG HTX, LIÊN HIỆP HTX PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ
(Kèm theo Báo cáo số 502/BC-BCĐ, ngày 21/10/2021 của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Kiên Giang)

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm										
		ĐVT	1/7/2013	31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021
I	HỢP TÁC XÃ											
	Tổng số HTX	HTX	223	226	241	261	289	347	400	447	495	505
	Chia ra:											
1	HTX nông nghiệp	HTX	181	185	199	219	244	299	352	396	435	444
2	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	05	05	05	05	05	06	06	08	09	09
3	HTX xây dựng	HTX	05	05	05	05	03	03	03	03	03	03
4	HTX tín dụng	HTX	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22
5	HTX thương mại	HTX	02	01	01	01	01	04	04	05	06	07
6	HTX vận tải	HTX	08	08	08	08	13	13	13	13	20	20
7	HTX môi trường	HTX										
8	HTX nhà ở	HTX										
9	HTX khác	HTX										

KIÊN GIANG